

Nhược điểm giống sắn Sa06: Nhiễm nhẹ bệnh cháy lá.

Giống sắn Sa06 đạt năng suất cao khi bón phân ở mức 1,5 tấn phân hữu cơ vi sinh + 120 N + 40 P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> + 120 K<sub>2</sub>O và trồng với mật độ 12.500 cây/ha.

Nhân giống với số mắt từ 2 đến 3 mắt đạt được hệ số nhân giống cao nhất.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- C.I.A.T, 1981, Centro International de Agricultura Tropical, *Cassava program 1980 Report*, Cali, Colombia.
- Flach M., 1982. Ecological competition among the main moisture rich starchy staples in the tropical and subtropical. *Proceedings Fifth International Tropical Root Crops Symposium*, held in Manila, The Philippines, September 1979, pp 345-375.
- Hoàng Kim, Phạm Văn Biên, 1995. *Cây Sắn*. NXB Nông nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Igbokwe M.C, L.S.O, Ene, G.I Nzewi, *Fertility trials*, 1947 - 1981, Fertility trials on root crops: Cassava, In: *A review of soil fertility investigations in the Eastern States of Nigeria 1923-1981*, Umudike, Nigeria, Federal Ministry of Agriculture, Federal Department of Agriculture Land Resources, Technical Report No.5, pp 32-38.
- Nguyễn Trọng Hiến, Trịnh Thị Phương Loan, Ngô Doãn Đàm, Trịnh Văn Mỹ, Trần Thị Bích Huệ và CTV, 2013. Kết quả nghiên cứu chọn lọc và phát triển giống sắn Sa21-12. *Hội thảo Quốc gia về Khoa học cây trồng lần thứ nhất*.
- Trần Ngọc Ngoạn, 2007. *Giáo trình cây Sắn*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

### Selection and development of high yield and quality cassava variety Sa06 in Northern region of Vietnam

Pham Thi Thu Ha, Nguyen Thien Luong,  
Nguyen Trong Hien, Ni E Xuan Hong, Vu Thi Vui

#### Abstract

Sa06 variety was introduced in 2008 and was tested in different ecological regions by the Root Crop Research and Development Center and the Central and Highland Center for Plant Testing. This variety was recognized by the Ministry of Agriculture and Rural Development for trial production. Sa06 variety had medium duration (9 months). Average plant height was 285 cm, no branching, resistance to pests, susceptible to brown spot diseases, root rot. Starch content and dry matter of Sa06 were high with 30% and 40%, respectively. Sa06 varieties could be grown with density of 12,500 plants/ha which was higher than KM94 from 3000-4000 plants/ha. Production testing of Sa06 variety was conducted on 141.2 ha in some parts of Northern Vietnam. Fresh root yield of Sa06 variety reached 40.5 tons/ha and was higher than that of KM94 from 15 - 20%.

**Key words:** Sa06 Cassava variety, fresh root yield, starch content

Ngày nhận bài: 9/02/2017

Người phản biện: GS.TS. Trần Ngọc Ngoạn

Ngày phản biện: 17/02/2017

Ngày duyệt đăng: 20/02/2017

### KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG ĐẬU XANH ĐXVN7 Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Nguyễn Ngọc Quất<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thủy<sup>1</sup>,  
Nguyễn Thị Thanh<sup>2</sup>, Phạm Thị Xuân<sup>3</sup>

#### TÓM TẮT

Khảo nghiệm giống đậu xanh ĐXVN7 được thực hiện trong 3 vụ Hè từ 2011-2013 tại ba vùng sinh thái: Hà Nội, Nghệ An và Hà Tĩnh. Các thí nghiệm khảo nghiệm giống được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ (RCBD), mỗi thí nghiệm được nhắc lại 4 lần với diện tích ô là 10m<sup>2</sup> (5m × 2m). Kết quả khảo nghiệm cho thấy giống đậu xanh ĐXVN7 có thời gian sinh trưởng ngắn, trong vụ Hè từ 65 - 68 ngày, có khả năng chống đổ tốt và nhiễm nhẹ bệnh đốm nâu. Năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 qua 3 năm ở 3 điểm nghiên cứu biến động từ 1.420 - 1.883 kg/ha và đạt cao hơn so với đối chứng đậu tằm từ 316 - 883 kg/ha. Kết quả sản xuất thử giống đậu xanh ĐXVN7 ở

<sup>1</sup> Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ - Viện Cây lương thực và Cây thực Phẩm

<sup>2</sup> Viện Nghiên cứu Ngô; <sup>3</sup> Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

Ninh Bình và Hà Tĩnh cho thất năng suất thực thu vượt so với sản xuất đại trà từ 30 - 34%, hàm lượng lipid và protein tương đương với giống đậu tằm.

**Từ khóa:** Giống đậu xanh ĐXVN7, năng suất, các tỉnh phía Bắc

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đậu xanh [*Vigna radiata* (L.) Wilczek] là cây đậu thực phẩm có nhiều giá trị khác nhau: (1) là nguồn cung cấp dinh dưỡng cho con người, hạt đậu xanh giàu protein, hydratcarbon, sắt và axit amin không thay thế; (2) là cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn nên có thể tham gia vào nhiều công thức cây trồng (luân canh, xen canh, gối vụ) góp phần nâng cao giá trị sử dụng đất; (3) là cây có khả năng cải thiện độ phì nhiêu cho đất thông qua hệ rễ và thân lá.

Ở Việt Nam, đậu xanh là cây đậu phổ biến thứ ba sau lạc và đậu tương. Đậu xanh được trồng rộng khắp từ Bắc tới Nam. Những năm gần đây với tình hình biến đổi khí hậu cực đoan diễn ra khá nghiêm trọng như hạn hán, lũ lụt... thì cây trồng ngắn ngày có thể né tránh thiên tai như cây đậu xanh đã và đang ngày càng được đầu tư nghiên cứu phát triển ở hầu hết các địa phương (Nguyễn Ngọc Quất, 2016).

Diện tích trồng đậu xanh của Việt Nam năm 2015 là 90.950 ha, năng suất bình quân đạt 1.089 kg/ha. Sản xuất đậu xanh ở miền Bắc tập trung chủ yếu ở ba vùng sinh thái: Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ với diện tích 30.380 ha, năng suất biến động từ 938 - 1.511kg/ha (2015). Sản xuất đậu xanh được gieo trồng chủ yếu trong vụ hè và tập trung ở các tỉnh Bắc Trung bộ với diện tích 18.470 ha năng suất bình quân đạt 983 kg/ha (2015) (Viện Quy hoạch Thiết kế Nông nghiệp, 2016). Do vậy, việc nghiên cứu xác định được giống đậu xanh mới năng suất cao ngắn ngày phù hợp với điều kiện sinh thái ở các tỉnh phía Bắc là rất cần thiết để đáp ứng với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra.

## II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Giống đậu xanh ĐXVN7 được lai tạo và chọn lọc từ tổ hợp lai ĐX102 × Vĩnh bảo 4 được thực hiện vụ xuân 2007, với giống đối chứng là đậu tằm và ĐX11.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.2.1. Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng giống đậu xanh (QCVN 01-62: 2011/BNNT) (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011).

- Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ (RCBD), mỗi thí nghiệm được nhắc lại 4 lần

với diện tích ô là 10 m<sup>2</sup> (5 m × 2 m).

- Nền phân bón: 1 tấn HCVS Sông Gianh + 400 kg vôi bột + 40 kg N + 60 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> + 40 kg K<sub>2</sub>O kg trên 1ha.

- Cách bón: Bón lót toàn bộ phân HCVS Sông Gianh + vôi bột + lân trước khi gieo; Bón thúc 2 đợt; đợt 1 khi đậu xanh có 1-2 lá thật bón ½ NK và thúc lần 2 khi cây 4 - 5 lá thật bón ½ NK còn lại.

- Mật độ gieo 20 cây/m<sup>2</sup>.

- Số liệu được xử lý thống kê theo chương trình IRRISTAT 4.0 và Excel.

#### 2.2.2. Phương pháp xây dựng mô hình

Trên cơ sở quy trình canh tác đậu xanh vụ Hè mới để xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm với giống cũ và quy trình canh tác cũ làm đối chứng. Quy mô là 10ha/mô hình giống mới và kỹ thuật canh tác mới và 1ha đối chứng sử dụng giống cũ và kỹ thuật canh tác cũ.

#### 2.2.3. Phương pháp phân tích chất lượng hạt

- Hàm lượng protein tổng số: Xác định theo phương pháp Kjeldahl

$$\text{Protein (\%)} = N_{TS} \times 5,71$$

- Hàm lượng Lipid: Xác định theo phương pháp Soxhlet

$$\text{Lipid (\%)} = \frac{a \times 100}{b(100-c)}$$

Trong đó: a: Khối lượng bì và mẫu trước khi sấy - khối lượng bì và mẫu sau khi sấy; b: Khối lượng mẫu phân tích; c: Độ ẩm mẫu phân tích.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Kết quả khảo nghiệm cơ bản

#### 3.1.1. Các giai đoạn sinh trưởng phát triển của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ Hè

Kết quả theo dõi đánh giá thời gian của các giai đoạn sinh trưởng phát triển của đậu xanh được trình bày ở bảng 1 cho thấy: Thời gian từ mọc đến ra hoa của giống đậu xanh ĐXVN7 tương đương so với giống đậu tằm biến động từ 29-33 ngày. Thời gian sinh trưởng của giống đậu xanh ĐXVN7 ở 3 điểm nghiên cứu biến động từ 65 - 68 ngày và dài hơn so với giống đậu tằm từ 6 - 10 ngày. Giống đậu xanh ĐX11 có thời gian sinh trưởng dài nhất dài hơn so với giống ĐXVN7 từ 6 - 8 ngày.

**Bảng 1.** Các giai đoạn sinh trưởng phát triển của giống đậu xanh ĐXVN7 (ngày)

| Tên giống     | Hà Nội       |      | Nghệ An      |      | Hà Tĩnh      |      |
|---------------|--------------|------|--------------|------|--------------|------|
|               | Mọc - ra hoa | TGST | Mọc - ra hoa | TGST | Mọc - ra hoa | TGST |
| Đậu tằm (đ/c) | 30           | 60   | 31           | 59   | 29           | 58   |
| ĐX11          | 38           | 74   | 36           | 71   | 35           | 71   |
| ĐXVN7         | 33           | 66   | 32           | 65   | 33           | 68   |

Ghi chú: Bảng 1, 2, 3, 4: Số liệu trung bình 2011, 2012, 2013.

### 3.1.2. Đặc điểm sinh trưởng phát triển của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ Hè

Kết quả đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển của giống đậu xanh ĐXVN7 được trình bày ở bảng 2 cho thấy: Chiều cao thân chính của giống đậu xanh

ĐXVN7 ở 3 điểm khảo nghiệm biến động từ 49,2 - 56,5 cm. Giống đậu xanh ĐXVN7 có chiều cao thân chính tương đương so với giống đậu tằm và thấp hơn so với giống đậu xanh ĐX11.

**Bảng 2.** Đặc điểm sinh trưởng phát triển của các giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ Hè

| Tên giống     | Hà Nội                    |                | Nghệ An                   |                | Hà Tĩnh                   |                |
|---------------|---------------------------|----------------|---------------------------|----------------|---------------------------|----------------|
|               | Chiều cao thân chính (cm) | Số cành C1/cây | Chiều cao thân chính (cm) | Số cành C1/cây | Chiều cao thân chính (cm) | Số cành C1/cây |
| Đậu tằm (đ/c) | 53,4                      | 1,0            | 53,6                      | 0,7            | 48,5                      | 0,2            |
| ĐX11          | 59,0                      | 0,6            | 56,9                      | 0,7            | 53,9                      | 0,3            |
| ĐXVN7         | 56,5                      | 0,8            | 53,0                      | 1,3            | 49,2                      | 0,4            |

### 3.1.3. Khả năng chống đổ và mức độ nhiễm bệnh đốm nâu của giống đậu xanh ĐXVN7

Đánh giá khả năng chống đổ và mức độ nhiễm bệnh đốm nâu của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ hè, kết quả được trình bày ở bảng 3 cho thấy: Khả năng chống đổ của giống đậu xanh ĐXVN7 biến động từ 1,0 - 1,6 điểm tương đương so với

khả năng chống đổ của giống đậu xanh ĐX11 có điểm đổ biến động từ 1,0 - 1,5 điểm. Giống đậu tằm có khả năng chống đổ kém nhất với điểm đổ biến động từ 2,3 - 2,6 điểm. Mức độ nhiễm bệnh đốm nâu của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ hè đạt từ 1,5 - 2,0 điểm đạt tương đương so với giống đậu xanh ĐX11.

**Bảng 3.** Khả năng chống đổ và mức độ nhiễm bệnh đốm nâu của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ Hè (điểm)

| Tên giống     | Hà Nội   |         | Nghệ An  |         | Hà Tĩnh  |         |
|---------------|----------|---------|----------|---------|----------|---------|
|               | Chống đổ | Đốm nâu | Chống đổ | Đốm nâu | Chống đổ | Đốm nâu |
| Đậu tằm (đ/c) | 2,4      | 2,8     | 2,6      | 2,8     | 2,3      | 2,7     |
| ĐX11          | 1,0      | 2,0     | 1,5      | 1,6     | 1,2      | 1,5     |
| ĐXVN7         | 1,0      | 2,0     | 1,6      | 1,5     | 1,3      | 1,8     |

### 3.1.4. Các yếu tố cấu thành năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7

Các yếu tố cấu thành năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7 được trình bày ở bảng 4 cho thấy: Tại 3 điểm nghiên cứu giống đậu xanh ĐXVN7 có số quả chắc trên cây biến động từ 13,3 - 17,2 quả/cây. Tại Hà Nội và Hà Tĩnh giống đậu xanh ĐXVN7 có số quả chắc trên cây đạt cao nhất và cao hơn so với 2 giống đối chứng từ 2,2 - 2,9 quả/cây (Hà Nội) và 3,8 - 6,3 quả/cây (Hà Tĩnh). Số hạt trên quả của giống đậu xanh ĐXVN7 biến động từ 10,7 - 12,3 hạt/quả.

Giống đậu xanh ĐXVN7 có số hạt trên quả tương đương so với giống đậu xanh ĐX11 và số hạt trên quả đạt cao hơn so với giống đậu tằm.

Khối lượng 1.000 hạt của giống đậu xanh ĐXVN7 biến động từ 47,8 - 52,7 gam, khối lượng 1.000 hạt của giống đậu xanh ĐXVN7 đạt cao nhất ở Nghệ An là 52,7gam. Khối lượng 1.000 hạt giống đậu xanh ĐXVN7 đạt tương đương so với giống đậu tằm và 2 giống đậu này đạt khối lượng 1.000 hạt thấp hơn so với giống đậu xanh ĐX11.

**Bảng 4.** Các yếu tố cấu thành năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ Hè

| Giống         | Số quả/chắc/cây |      |      | Số hạt/quả |      |      | Khối lượng 1.000 hạt (g) |      |      |
|---------------|-----------------|------|------|------------|------|------|--------------------------|------|------|
|               | HN              | NA   | HT   | HN         | NA   | HT   | HN                       | NA   | HT   |
| Đậu tằm (đ/c) | 10,4            | 11,8 | 10,9 | 11,0       | 10,7 | 10,3 | 45,5                     | 50,3 | 49,5 |
| ĐX11          | 11,1            | 17,6 | 13,4 | 11,4       | 12,3 | 10,7 | 59,1                     | 62,1 | 63,2 |
| ĐXVN7         | 13,3            | 14,4 | 17,2 | 11,4       | 11,5 | 10,9 | 47,8                     | 52,7 | 50,5 |

### 3.1.5. Năng suất thực thu của các giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ Hè

Năng suất đậu xanh trên đơn vị diện tích phụ thuộc vào năng suất của từng cây (năng suất cá thể) và năng suất cả ruộng (năng suất quần thể). Tuy nhiên, năng suất cá thể hay quần thể cũng đều dựa vào các yếu tố cấu thành năng suất như số quả/cây, số hạt/quả, khối lượng 1.000 hạt... của chính giống đó quyết định.

Kết quả đánh giá năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 được trình bày ở bảng 5 cho thấy: Năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 qua 3 năm tại Hà Nội biến động từ 1.420 - 1.750 kg/ha, năm 2012 năng suất thực thu đạt cao nhất là 1.750 kg/ha. Năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 đạt cao hơn so với đối chứng đậu tằm từ 433 - 530 kg/ha và sai khác có ý nghĩa so với đối chứng ở xác suất 95%.

Tại Nghệ An qua 3 năm đánh giá năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 biến động từ 1.459 - 1.637 kg/ha. Năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 đạt cao hơn so với giống đậu tằm từ 316 - 533 kg/ha và sai khác có ý nghĩa so với đối chứng ở mức xác suất 95%. Giống đậu xanh hạt mốc là đậu tằm và ĐXVN7 luôn có năng suất thực thu thấp hơn giống đậu xanh ĐX11.

Tại Hà Tĩnh năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 qua 3 năm đạt từ 1.453 - 1.833 kg/ha. Giống đậu xanh ĐXVN7 đạt năng suất thực thu cao hơn so với giống đậu tằm (đ/c) từ 392 - 883 kg/ha và sai khác có ý nghĩa so với đối chứng ở mức xác suất 95%. Trong năm 2011 và 2012 năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 đạt cao nhất lần lượt là 1.760 kg/ha và 1.833 kg/ha và đạt cao hơn so với giống đậu xanh ĐX11 lần lượt là 340 kg/ha và 281 kg/ha, sai khác có ý nghĩa ở mức xác suất 95%.

**Bảng 5.** Năng suất thực thu của các giống đậu xanh triển vọng trong vụ Hè (kg/ha)

| Giống              | Hà Nội |       |       | Nghệ An |       |       | Hà Tĩnh |       |       |
|--------------------|--------|-------|-------|---------|-------|-------|---------|-------|-------|
|                    | 2011   | 2012  | 2013  | 2011    | 2012  | 2013  | 2011    | 2012  | 2013  |
| Đậu tằm (đ/c)      | 955    | 1.317 | 890   | 1.140   | 1.084 | 1.143 | 1.030   | 950   | 1.061 |
| ĐX11               | 1.530  | 2.076 | 1.475 | 1.800   | 1.809 | 1.540 | 1.420   | 1.552 | 1.505 |
| ĐXVN7              | 1.463  | 1.750 | 1.420 | 1.600   | 1.637 | 1.459 | 1.760   | 1.833 | 1.453 |
| CV%                | 6,52   | 4,54  | 7,70  | 5,17    | 6,35  | 8,74  | 6,35    | 6,55  | 8,12  |
| LSD <sub>.05</sub> | 194    | 176   | 160   | 150     | 177   | 209   | 163     | 177   | 195   |

### 3.1.6. Hàm lượng dinh dưỡng của các giống đậu xanh triển vọng

Đánh giá hàm lượng dinh dưỡng với mục tiêu tuyển chọn được giống đậu xanh có năng suất chất lượng tốt thích hợp với điều kiện sinh thái.

Kết quả trình bày ở bảng 7 cho thấy: Hàm lượng Protein tổng số của các giống đậu xanh biến động từ 22,12 - 23,56%, giống đậu xanh ĐXVN7 có hàm lượng protein tổng số là 22,91 tương đương so với giống đậu tằm (đ/c). Hàm lượng lipid của các giống đậu xanh biến động từ 0,46 - 0,68%.

**Bảng 7.** Hàm lượng dinh dưỡng của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ Hè 2012 tại Nghệ An

| Tên giống     | Protein tổng số (%) | Lipid (%) | % Chất khô |
|---------------|---------------------|-----------|------------|
| Đậu tằm (đ/c) | 23,56               | 0,68      | 90,71      |
| ĐX11          | 22,12               | 0,66      | 90,58      |
| ĐXVN7         | 22,91               | 0,46      | 90,46      |

(Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm - Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch)

### 3.2. Kết quả sản xuất thử nghiệm

#### 3.2.1. Mô hình sản xuất thử nghiệm giống đậu xanh mới ĐXVN7 tại Hà Tĩnh

Kết quả sản xuất thử nghiệm giống đậu xanh ĐXVN7 tại Hà Tĩnh được trình bày ở bảng 8 cho thấy: Diện tích sản xuất giống đậu xanh mới ĐXVN7 tăng dần qua các năm từ 20 - 90 ha, thời gian sinh trưởng của giống đậu xanh ĐXVN7 tương đương so với thời gian sinh trưởng của giống đậu tằm đang sản xuất đại trà ở địa phương. Giống đậu xanh ĐXVN7 có số quả chắc trên cây biến động qua các năm từ

19,3 - 23,3 quả/cây và đạt cao hơn so với giống đậu tằm từ 2,8 - 4,7 quả/cây. Khối lượng 1.000 hạt của giống đậu xanh ĐXVN7 biến động từ 52,1 - 53,1 gam và đạt cao hơn so với đậu tằm từ 4,9 - 5,5 gam.

Năng suất thực thu (NSTT) là chỉ tiêu quyết định đến sự thành bại của mô hình sản xuất thử nghiệm. Qua 3 năm triển khai tại Hương Khê, Hà Tĩnh năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 biến động từ 1.670 - 1.750 kg/ha và đạt cao hơn so với giống đậu tằm đang sản xuất đại trà từ 390 - 415 kg/ha vượt từ 30 - 32% năng suất (Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh., 2014).

**Bảng 8.** Kết quả mô hình sản xuất thử nghiệm giống đậu xanh mới ĐXVN7 trong vụ Hè tại Hương Khê, Hà Tĩnh

| TT | Chỉ tiêu             | ĐVT   | Năm 2013 |            | Năm 2014 |            | Năm 2015 |            |
|----|----------------------|-------|----------|------------|----------|------------|----------|------------|
|    |                      |       | KTM      | SX đại trà | KTM      | SX đại trà | KTM      | SX đại trà |
| 1  | Quy mô               | ha    | 20       | 1          | 60       | 1          | 90       | 1          |
| 2  | Giống                |       | ĐXVN7    | Đậu tằm    | ĐXVN7    | Đậu tằm    | ĐXVN7    | Đậu tằm    |
| 3  | TGST                 | ngày  | 65       | 65         | 68       | 66         | 66       | 65         |
| 4  | Số quả chắc/cây      | quả   | 21,2     | 17,3       | 23,3     | 18,6       | 19,3     | 16,5       |
| 5  | Khối lượng 1.000 hạt | g     | 52,8     | 47,6       | 53,1     | 47,6       | 52,1     | 47,2       |
| 6  | NSTT                 | kg/ha | 1.715    | 1.300      | 1.750    | 1.345      | 1.670    | 1.280      |
| 7  | NS vượt đ/c          | %     | 32       | -          | 30       | -          | 30       | -          |

Ghi chú: Bảng 8, 9: KTM: Kỹ thuật mới

#### 3.2.2. Kết quả sản xuất thử nghiệm giống đậu xanh mới ĐXVN7 tại Ninh Bình

Kết quả sản xuất thử nghiệm giống đậu xanh mới ĐXVN7 tại Yên Mô, Ninh Bình được cho thấy: Qua 2 năm sản xuất giống đậu xanh mới ĐXVN7 tại địa phương diện tích sản xuất tăng dần từ 20 ha lên 50 ha, thời gian sinh trưởng của giống đậu xanh mới ĐXVN7 tương đương so với giống đậu tằm. Số quả

chắc trên cây của giống đậu xanh ĐXVN7 biến động từ 22,3 - 23,4 quả/cây và đạt cao hơn so với giống đậu tằm từ 5,8 - 6,2 quả/cây. Năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 qua 2 năm lần lượt đạt là 1.806 kg/ha và 1.851 kg/ha và đạt cao hơn so với đối chứng từ 454 - 456 kg/ha và vượt đối chứng từ 33 - 34% năng suất (Bảng 9).

**Bảng 9.** Kết quả mô hình sản xuất thử nghiệm giống đậu xanh mới ĐXVN7 trong vụ Hè tại Yên Mô - Ninh Bình

| TT | Chỉ tiêu              | ĐVT   | Năm 2014 |            | Năm 2015 |            |
|----|-----------------------|-------|----------|------------|----------|------------|
|    |                       |       | KTM      | SX đại trà | KTM      | SX đại trà |
| 1  | Quy mô                | ha    | 20       | 1          | 50       | 1          |
| 2  | Giống                 |       | ĐXVN7    | Đậu tằm    | ĐXVN7    | Đậu tằm    |
| 3  | Thời gian sinh trưởng | ngày  | 67       | 65         | 68       | 66         |
| 4  | Số quả chắc/cây       | quả   | 22,3     | 16,5       | 23,4     | 17,2       |
| 5  | Khối lượng 1.000 hạt  | g     | 52,3     | 48,6       | 52,3     | 47,8       |
| 6  | Năng suất thực thu    | kg/ha | 1.806    | 1.352      | 1.821    | 1.365      |
| 7  | Năng suất vượt đ/c    | %     | 34       | -          | 33       | -          |

#### IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

##### 4.1. Kết luận

- Giống đậu xanh ĐXVN7 có thời gian sinh trưởng ngắn từ 65 - 68 ngày trong vụ Hè. Chiều cao thân chính biến động từ 49,2 - 56,5 cm, giống đậu xanh ĐXVN7 có khả năng chống đổ tốt và nhiễm nhẹ bệnh đốm nâu.

- Giống đậu xanh ĐXVN7 luôn đạt các yếu tố cấu thành năng suất như: Số quả chắc trên cây, số hạt trên quả và khối lượng 1.000 hạt cao hơn so với giống đậu tằm ở các điểm và các năm nghiên cứu. Năng suất thực thu của giống đậu xanh ĐXVN7 qua 3 năm khảo nghiệm ở 3 điểm nghiên cứu biến động từ 1.420 - 1.883 kg/ha và đạt cao hơn so với đối chứng đậu tằm từ 316 - 883 kg/ha và sai khác so với đối chứng có ý nghĩa ở mức xác suất 95%.

- Kết quả khảo nghiệm sản xuất thử tại Hà Tĩnh và Ninh Bình giống đậu xanh ĐXVN7 có thời gian sinh trưởng từ 65 - 68 ngày tương đương thời gian sinh trưởng so với giống đậu tằm. Năng suất thực thu giống đậu xanh ĐXVN7 vượt so với đối chứng đậu tằm từ 30 - 34%.

##### 4.2. Đề nghị

Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật để phát huy tối đa năng suất giống đậu xanh ĐXVN7 và đề nghị Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận giống cây trồng mới và cho phép sản xuất thử.

##### TÀI LIỆU THAM KHẢO

**Bộ Nông nghiệp và PTNT**, 2011. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống đậu xanh (Thông tư số 48 /2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 7 năm 2011).

**Nguyễn Ngọc Quất**, 2016. *Nghiên cứu xác định giống và biện pháp kỹ thuật canh tác đậu xanh ở Nghệ An và Hà Tĩnh*. Luận án tiến sĩ nông nghiệp. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

**Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh**, 2014. Thêm 2 giống đậu xanh triển vọng, năng suất cao cho Hà Tĩnh, *Thông tin Sở Khoa học Công nghệ Hà Tĩnh*, Công ty Cổ phần in Thăng Long, tr.23-24.

**Viện Quy hoạch Thiết kế Nông nghiệp**, 2016. *Thống kê Nông lâm - Thủy sản, Báo cáo thống kê*, Trung tâm Phát triển bền vững Nông nghiệp Nông thôn.

#### Testing result of mungbean variety DXVN7 in Northern provinces of Vietnam

Nguyen Ngoc Quat, Nguyen Thi Thuy,  
Nguyen Thi Thanh, Pham Thi Xuan

##### Abstract

Testing of Mungbean DXVN7 was implemented in 3 summer seasons of 2011 to 2013 in three different ecological regions, including Hanoi, Nghe An and Ha Tinh. Experiments were designed in RCDB with 4 replications of 10m<sup>2</sup>/plot (5m x 2m). The result showed that DXVN7 mungbean derived from crossing DX102 and Vinh Bao 4 had short growth duration (from 65-68 days), lodging resistant ability and slight susceptibility to brown spot disease. The real yield of DXVN7 in 3 different regions during 3 years was varied from 1,420 to 1,883 kg/ha and higher than that of the control from 316 to 883 kg/ha. The yield in testing production pilot in Ninh Binh and Ha Tinh province was higher than that of the control from 30 - 34%, lipid and protein contents were equal to that of broad bean.

**Key words:** Mungbean variety DXVN7, yield, Northern provinces

Ngày nhận bài: 10/01/2017

Người phản biện: TS. Nguyễn Thị Chinh

Ngày phản biện: 14/01/2017

Ngày duyệt đăng: 24/01/2017

#### ẢNH HƯỞNG CỦA MẬT ĐỘ TRỒNG ĐẾN SINH TRƯỞNG PHÁT TRIỂN GIỐNG ĐẬU TƯƠNG ĐT51 TRONG VỤ HÈ TẠI PHÚC THỌ, HÀ NỘI

Trần Thị Trường<sup>1</sup>, Vương Thị Huy<sup>2</sup>

##### TÓM TẮT

Nghiên cứu 5 mật độ trồng cho giống đậu tương ĐT51 đã được thực hiện trong vụ Hè năm 2014 tại Phúc Thọ, Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Chỉ số diện tích lá và khối lượng chất khô của cây ở giai đoạn quả mẩy (R6) đạt giá trị cao nhất. Chỉ số diện tích lá, khả năng tích lũy chất khô, khả năng phân cành, tổng số quả trên cây, tỷ lệ quả 3 hạt và khả năng chống chịu bị giảm khi tăng mật độ trồng từ 10 cây/m<sup>2</sup> đến 50 cây/m<sup>2</sup>. Năng suất hạt tăng khi mật độ trồng tăng từ 10 cây/m<sup>2</sup> đến 20 cây/m<sup>2</sup>. Năng suất bị giảm khi tăng mật độ từ 30 cây/m<sup>2</sup> đến 50 cây/m<sup>2</sup>. Năng suất

<sup>1</sup> Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm; <sup>2</sup> Chi cục Phát triển Nông nghiệp Hà Nội